

CỤC THUẾ
THUẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17125/DON-QLDN1
V/v thuế nhà thầu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Công Ty TNHH Matsuya R&D (Việt Nam) - MST 3601000200.
Địa chỉ: Lô E1, đường số 6, Khu công nghiệp Hồ Nai - giai đoạn 2, phường Hồ Nai, TP Đồng Nai.

Thuế thành phố Đồng Nai nhận được công văn số 20260626-CV ngày 24/07/2026 của Công Ty TNHH Matsuya R&D (Việt Nam) (sau đây gọi là Công ty) về việc xin hướng dẫn về việc xác định nghĩa vụ thuế nhà thầu. Về vấn đề này, Thuế thành phố Đồng Nai có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 12 Luật số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc Hội quy định Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu:

“2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

a) Đối tượng áp dụng bao gồm:

...a3) Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không bao gồm các nhà cung cấp nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật này;

b) Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

b1) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;

b2) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

b3) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

b4) Hoạt động kinh doanh khác: 2%;

c) Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng...”

Căn cứ Điều 9 Thông tư 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính quy định Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam:

“1. Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam quy định tại Điều này áp dụng đối với:

a) Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây

gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam...

2. Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam quy định tại Điều này không áp dụng đối với:

...c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình thức giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán)...

3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam:

c) Trường hợp hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều này) hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế giá trị gia tăng được tính chung cho cả hợp đồng.

4. Cách xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp:

a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu được xác định căn cứ theo giá tính thuế và tỷ lệ %. Trong đó, giá tính thuế giá trị gia tăng là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có) theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

b) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng doanh thu tính thuế giá trị gia tăng nhân với tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu...

5. Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp cụ thể được xác định như sau:

a) Trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ, doanh thu Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp thì doanh thu tính thuế giá trị gia tăng

phải được quy đổi thành doanh thu có thuế giá trị gia tăng và được xác định theo công thức sau:

$$\frac{\text{Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng}}{\text{Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng}} = \frac{1}{1 - \text{Tỷ lệ \% để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu}}$$

...”

Căn cứ điểm b, Khoản 3 Điều 12 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định Thuế thu nhập doanh nghiệp được quy định như sau:

“3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định này được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam, cụ thể như sau:

...b) Cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms): 1%; riêng trường hợp các doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan, khu phi thuế quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng, các doanh nghiệp nước ngoài chỉ định doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện cho doanh nghiệp chế xuất khác để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp;...”

Căn cứ Điều 7 Thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Tài chính quy định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam:

“Điều 7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam quy định tại Điều 2, khoản 4 Điều 3 và khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

1. Quy định tại Điều này áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thuộc các trường hợp sau đây:

...b) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp dịch vụ, cung cấp dịch vụ gắn với hàng hóa, cung cấp và phân phối hàng hóa (bao gồm cả trường hợp ủy quyền hoặc thuê một số tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện một phần dịch vụ phân phối, dịch vụ khác liên quan đến việc bán hàng hóa tại Việt Nam) theo hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms), trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho doanh nghiệp nước ngoài thuê gia công; cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số...

2. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

...b) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình thức giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam, trong đó người bán

chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyển chở hàng từ cửa khẩu Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán);

...3. Cách xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được xác định căn cứ theo doanh thu tính thuế và tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

$$\text{Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp}} \times \text{Tỷ lệ \% trên doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

Trong đó, doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ doanh thu mà nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được tính bao gồm cả các khoản chi phí do bên Việt Nam trả thay nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

4. Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số trường hợp cụ thể được xác định như sau:

a) Trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ, doanh thu nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

$$\frac{\text{Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp}} = \frac{\text{Doanh thu không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp}}{1 - \text{Tỷ lệ \% trên doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp}}$$

...5. Tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP;...”

Căn cứ các quy định nêu trên, Thuế thành phố Đồng Nai trả lời về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Công ty nếu thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 69/2025/TT-BTC thì tính thuế GTGT theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật số 48/2024/QH15 và khoản 3,4,5 Điều 9 Thông tư 69/2025/TT-BTC. Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 20/2026/TT-BTC thì tính thuế TNDN theo quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều 12 Nghị định 320/2025/NĐ-CP và khoản 3,4,5 Điều 7 Thông tư 20/2026/TT-BTC.

Trường hợp Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Công ty nếu thuộc đối tượng quy định khoản 2 Điều 9 Thông tư 69/2025/TT-BTC thì không áp dụng tính thuế giá trị gia tăng. Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 20/2026/TT-BTC thì không áp dụng tính thuế TNDN.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế, căn cứ các văn bản pháp luật về thuế, đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn nêu trên để thực hiện theo quy định.

Thuế thành phố Đồng Nai có ý kiến đề Công Ty TNHH Matsuya R&D (Việt Nam) được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Cục Thuế (thay b/c);
 - Lãnh đạo Thuế thành phố Đồng Nai;
 - Website Thuế thành phố Đồng Nai;
 - Phòng NVDTPC;
 - Lưu: VT, QLDN1 (Mén, 2b).
- (Người nộp thuế quét mã QR để đánh giá)



**KT. TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ**



THUẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỘ TÀI CHÍNH
08/09/2026 11:12:17

Tạ Hoàng Giang